BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040094	Huỳnh Chi	**Bảo**	25/05/2004				C24CK3	
2	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004	Bảo	8,7	tám phẩy bảy	C24CK3	
3	2210040080	Nguyễn Thái	**Bảo**	02/05/2004				C24CK3	
4	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004	Bình	8,5	tám phẩy năm	C24CK3	
5	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004	Diễn	8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
6	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003	Duy	8,1	tám phẩy một	C24CK3	
7	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004	Dương	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
8	2210040077	Bùi Sĩ	**Đan**	03/10/2004	Đan	8,0	tám chẵn	C24CK3	
9	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004	Đạt	8,2	tám phẩy hai	C24CK3	
10	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003	Đông	7,6	bảy phẩy sáu	C24CK3	
11	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003	Đức	8,5	tám rưỡi	C24CK3	
12	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004	Hải	8,0	tám chẵn	C24CK3	
13	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004	Hân	8,0	tám chẵn	C24CK3	
14	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004	Huỳnh	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
15	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004	Khải	8,2	tám phẩy hai	C24CK3	
16	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004	Khoa	8,5	tám rưỡi	C24CK3	
17	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004	Kiệt	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
18	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004	Lộc	8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
19	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004	Phong	8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
20	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004	Phúc	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
21	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004	Phúc	8,7	tám phẩy bảy	C24CK3	
22	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003	Tài	8,0	tám chẵn	C24CK3	
23	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004	Thuận	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
24	2210040098	Nguyễn Lê Minh	**Trí**	08/03/2004				C24CK3	
25	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004	Trường	8,7	tám phẩy bảy	C24CK3	
26	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004	Trường	7,9	bảy phẩy chín	C24CK3	
27	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004	Trực	8,7	tám phẩy bảy	C24CK3	
28	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004	Việt	8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
29	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 29-3 TH **vắng thi:** 3 **. Số bài thi:** 26 / 29 .

Số sinh viên đạt/không đạt: Đạt 26 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày in: 17:06 05/10/2022

Ngày..16..tháng..11..năm..2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày..15..tháng..11..năm..2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

Ngày in: 17:06 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	An	08/05/2004		8,0	tám chấn	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng	An	28/10/2004		8,6	tám phẩy sáu	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	Bình	17/12/2004	Bình	8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc	Bình	24/11/2004		8,2	tám phẩy hai	C24CK2	
5	2210040054	Nguyễn Tấn	Dàng	03/10/2004	Dàng	8,2	tám phẩy hai	C24CK2	
6	2210040055	Lê Trần Khánh	Duy	15/05/2004		7,5	bảy phẩy năm	C24CK2	
7	2210040039	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/05/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
8	2210040041	Hoàng Ngọc	Dương	08/02/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	
9	2210040048	Lộc Hòa	Dương	12/03/2004	Dương	8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
10	2210040050	Lý Hoa	Đức	20/10/2004	Đức	8,5	tám lăm	C24CK2	
11	2210040045	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/03/2004	Hiếu	8,6	tám phẩy sáu	C24CK2	
12	2210040067	Trần Duy	Khang	19/06/2004		7,3	bảy phẩy ba	C24CK2	
13	2210040062	Bùi Anh	Khoa	07/01/2004	Khoa	8,5	tám lăm	C24CK2	
14	2210040065	Huỳnh Tấn	Khoa	18/11/2004	Khoa	8,8 (8,8)	tám phẩy tám	C24CK2	
15	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
16	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/20/2004	Long	8,4	tám phẩy tư	C24CK2	
17	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	Luân	04/09/2004		8,6	tám phẩy sáu	C24CK2	
18	2210040042	Trần Ngọc	Mẫn	20/10/2004	Mẫn	7,9	bảy phẩy chín	C24CK2	
19	2210040052	Nguyễn Hoàng	Minh	14/08/2004	Minh	8,0	tám không	C24CK2	
20	2210040044	Trần Hữu	Nghĩa	02/08/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
21	2210040049	Sók Quang	Nhật	15/09/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
22	2210040069	Nguyễn Hải	Ninh	02/02/2004				C24CK2	
23	2210040058	Hồ Văn	Phát	01/03/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	
24	2210040070	Đinh Hoài	Phong	05/09/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK2	
25	2210040063	Nguyễn Tài	Phước	10/06/2004	Phước	8,5	tám lăm	C24CK2	
26	2210040060	Hà Lê Thành	Tài	04/05/2004	Tài	8,8	tám phẩy tám	C24CK2	Nợ HP
27	2210040068	Lê Lâm	Thuận	03/04/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
28	2210040046	Nguyễn Văn	Tiến	23/03/2004				C24CK2	
29	2210040047	Chế Thành	Trung	21/02/2004	Trung	8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
30	2210040061	Nguyễn Kha	Trung	05/08/2004	Trung	8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
31	2210040040	Phan Văn	Trường	19/12/2004	Trường	8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
32	2210040057	Lê Thanh	Tùng	04/11/2004	Tùng	8,7	tám phẩy bảy	C24CK2	
33	2210040059	Dương Quang	Vinh	21/12/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK2	
34	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	Vinh	18/07/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	

Ngày in: 17:05 05/10/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:** 33 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

Ngày in: 17:05 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	An	23/08/2003		8,8	tám tám	C24CK1	
2	2210040004	Đặng Trần Gia	Bảo	24/07/2003		8,5	tám phẩy năm	C24CK1	
3	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	09/04/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK1	
4	2210040025	Nguyễn Thanh	Dủng	25/05/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
5	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	02/02/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
6	2210040021	Trần Anh	Đức	02/09/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
7	2210040033	Nguyễn Trường	Giang	01/10/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK1	
8	2210040028	Phan Văn	Hậu	17/03/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
9	2210040023	Nguyễn Thanh	Hiếu	13/12/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
10	2210040008	Phạm Quốc	Huy	15/09/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
11	2210040032	Trần Trí	Huy	07/04/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
12	2210040022	Phạm Vĩnh	Hưng	05/12/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
13	2210040017	Trần Thanh	Khang	30/03/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
14	2210040029	Võ Trường	Khang	02/09/2004		8,6	tám phẩy sáu	C24CK1	
15	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		8,2	tám phẩy hai	C24CK1	Nợ HP
16	2210040006	Hà Gia	Kính	10/10/2003		8,1	tám phẩy một	C24CK1	
17	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
18	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		8,9	tám phẩy chín	C24CK1	
19	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
20	2210040024	Lê Tấn	Lộc	16/09/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK1	
21	2210040027	Nguyễn Đức	Lộc	25/07/2004				C24CK1	
22	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		8,0	tám chẵn	C24CK1	
23	2210040012	Võ Hoàng	Nam	27/09/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
24	2210040011	Nguyễn Trọng	Phúc	08/02/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK1	
25	2210040001	Võ Hoàng	Phúc	02/11/2003		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
26	2210040007	Thái Dương Thiên	Phụng	16/04/2002				C24CK1	
27	2210040056	Nguyễn Hữu	Tài	26/11/2004		7,8	bảy phẩy tám	C24CK1	
28	2210040020	Nguyễn Quang	Tân	05/04/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
29	2210040034	Võ Thanh	Tân	03/11/2004		7,9	bảy phẩy chín	C24CK1	
30	2210040013	Huỳnh Nguyễn Quốc	Thanh	29/02/2004		7,9	bảy phẩy chín	C24CK1	
31	2210100170	Trần Duy	Thanh	30/06/2004				C24CK1	Nợ HP
32	2210040016	Trần Quốc	Thái	28/02/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK1	
33	2210040009	Vưu Trọng	Thái	04/06/2003		7,6	bảy phẩy sáu	C24CK1	
34	2210040015	Nguyễn Quốc	Thống	03/08/2004		8,4	tám phẩy bốn	C24CK1	

Ngày in: 17:03 05/10/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004		8,1	tám phẩy một	C24CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 3 **. Số bài thi:** 32 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 32 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày. 15 *.tháng* 11 *.năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày. 15 *.tháng* 11 *.năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

TRU

KH

Ngày in: 17:03 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	An	08/05/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng	An	28/10/2004		7,5	bảy phẩy năm	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	Bình	17/12/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc	Bình	24/11/2004		8,0	tám	C24CK2	
5	2210040054	Nguyễn Tấn	Dàng	03/10/2004		7,8	bảy phẩy tám	C24CK2	
6	2210040055	Lê Trần Khánh	Duy	15/05/2004		7,5	bảy phẩy năm	C24CK2	
7	2210040039	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/05/2004		8,0	tám	C24CK2	
8	2210040041	Hoàng Ngọc	Dương	08/02/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK2	
9	2210040048	Lộc Hòa	Dương	12/03/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
10	2210040050	Lý Hoa	Đức	20/10/2004		7,9	bảy phẩy chín	C24CK2	
11	2210040045	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/03/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
12	2210040067	Trần Duy	Khang	19/06/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
13	2210040062	Bùi Anh	Khoa	07/01/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK2	
14	2210040065	Huỳnh Tấn	Khoa	18/11/2004		~~8,8~~ (7,3)	bảy phẩy ba	C24CK2	
15	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
16	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/20/2004		~~7,8~~ (7,8)	bảy phẩy tám	C24CK2	
17	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	Luân	04/09/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
18	2210040042	Trần Ngọc	Mẫn	20/10/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
19	2210040052	Nguyễn Hoàng	Minh	14/08/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
20	2210040044	Trần Hữu	Nghĩa	02/08/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
21	2210040049	Sók Quang	Nhật	15/09/2003		8,5	tám rưỡi	C24CK2	
22	2210040069	Nguyễn Hải	Ninh	02/02/2004				C24CK2	
23	2210040058	Hồ Văn	Phát	01/03/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
24	2210040070	Đinh Hoài	Phong	05/09/2004		7,3	bảy phẩy ba	C24CK2	
25	2210040063	Nguyễn Tài	Phước	10/06/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
26	2210040060	Hà Lê Thành	Tài	04/05/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK2	Nợ HP
27	2210040068	Lê Lâm	Thuận	03/04/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
28	2210040046	Nguyễn Văn	Tiến	23/03/2004				C24CK2	
29	2210040047	Chế Thành	Trung	21/02/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
30	2210040061	Nguyễn Kha	Trung	05/08/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK2	
31	2210040040	Phan Văn	Trường	19/12/2004		7,0	bảy chẵn	C24CK2	
32	2210040057	Lê Thanh	Tùng	04/11/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	
33	2210040059	Dương Quang	Vinh	21/12/2004		8,0	tám chẵn	C24CK2	
34	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	Vinh	18/07/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK2	

Ngày in: 17:06 05/10/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003		7,8	bảy phẩy tám	C24CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:** 33 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: đạt 33 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

TR

K

Ngày in: 17:06 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ ... HEPZA GTIM PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	An	23/08/2003		7,8	bảy tám	C24CK1	
2	2210040004	Đặng Trần Gia	Bảo	24/07/2003		8,5	tám phẩy năm	C24CK1	
3	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	09/04/2004		7,5	bảy phẩy năm	C24CK1	
4	2210040025	Nguyễn Thanh	Dủng	25/05/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
5	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	02/02/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
6	2210040021	Trần Anh	Đức	02/09/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
7	2210040033	Nguyễn Trường	Giang	01/10/2004		7,3	bảy phẩy ba	C24CK1	
8	2210040028	Phan Văn	Hậu	17/03/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK1	
9	2210040023	Nguyễn Thanh	Hiếu	13/12/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
10	2210040008	Phạm Quốc	Huy	15/09/2003		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
11	2210040032	Trần Tí	Huy	07/04/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
12	2210040022	Phạm Vĩnh	Hưng	05/12/2003		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
13	2210040017	Trần Thanh	Khang	30/03/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
14	2210040029	Võ Trường	Khang	02/09/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
15	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		7,8	bảy phẩy tám	C24CK1	Nợ HP
16	2210040006	Hà Gia	Kính	10/10/2003		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
17	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		8,0	tám chẵn	C24CK1	
18	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
19	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
20	2210040024	Lê Tấn	Lộc	16/09/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
21	2210040027	Nguyễn Đức	Lộc	25/07/2004				C24CK1	
22	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK1	
23	2210040012	Võ Hoàng	Nam	27/09/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
24	2210040011	Nguyễn Trọng	Phúc	08/02/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK1	
25	2210040001	Võ Hoàng	Phúc	02/11/2003		8,0	tám chẵn	C24CK1	
26	2210040007	Thái Dương Thiên	Phụng	16/04/2002				C24CK1	
27	2210040056	Nguyễn Hữu	Tài	26/11/2004		8,7	tám phẩy bảy	C24CK1	
28	2210040020	Nguyễn Quang	Tân	05/04/2004		8,0	tám chẵn	C24CK1	
29	2210040034	Võ Thanh	Tân	03/11/2004		7,8	bảy phẩy tám	C24CK1	
30	2210040013	Huỳnh Nguyễn Quốc	Thanh	29/02/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
31	2210100170	Trần Duy	Thanh	30/06/2004				C24CK1	Nợ HP
32	2210040016	Trần Quốc	Thái	28/02/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK1	
33	2210040009	Vưu Trọng	Thái	04/06/2003		8,5	tám rưỡi	C24CK1	
34	2210040015	Nguyễn Quốc	Thống	03/08/2004		7,8	bảy phẩy tám	C24CK1	

Ngày in: 17:04 05/10/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 3 **. Số bài thi:** 32 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 32 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

TRƯ

KH

Ngày in: 17:04 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt - (02050)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040094	Huỳnh Chi	**Bảo**	25/05/2004				C24CK3	
2	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004		8,5	tám phẩy năm	C24CK3	
3	2210040080	Nguyễn Thái	**Bảo**	02/05/2004				C24CK3	
4	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
5	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004		8,5	tám phẩy năm	C24CK3	
6	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003		8,0	tám chẵn	C24CK3	
7	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
8	2210040077	Bùi Si	**Đan**	03/10/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK3	
9	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
10	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003		7,5	bảy rưỡi	C24CK3	
11	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003		8,5	tám rưỡi	C24CK3	
12	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
13	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
14	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
15	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
16	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
17	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
18	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004		7,5	bảy rưỡi	C24CK3	
19	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK3	
20	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK3	
21	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004		8,8	tám phẩy tám	C24CK3	
22	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003		8,3	tám phẩy ba	C24CK3	
23	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK3	
24	2210040098	Nguyễn Lê Minh	**Trí**	08/03/2004				C24CK3	
25	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK3	
26	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
27	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
28	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004		8,0	tám chẵn	C24CK3	
29	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004		8,5	tám rưỡi	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 29 **vắng thi:** 3 **. Số bài thi:** 26 / 29 .

Số sinh viên đạt/không đạt: đạt 26 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 , ___ **%**

Ngày in: 17:07 05/10/2022

Ngày 15 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

TRI

K

Ngày in: 17:07 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127
Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt
Ngày thi: 22/11/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: Phan Thanh Tường Ký tên:
Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	An	08/05/2004		01	6,0	sáu	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng	An	28/10/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK2	
3	2210040088	Lê Ngọc	Bảo	07/10/2004		01	8,0	tám	C24CK3	
4	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	Bình	17/12/2004		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK2	
5	2210040084	Nguyễn Tấn	Bình	11/12/2004		01	9,25	chín, hai lăm	C24CK3	9,3 (Chín ba)
6	2210040053	Phạm Quốc	Bình	24/11/2004		01	4,0	bốn	C24CK2	
7	2210040054	Nguyễn Tấn	Dàng	03/10/2004		01	3,75	ba, bảy lăm	C24CK2	3,8 (Ba tám)
8	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	Diễn	11/11/2004		01	7,0	bảy	C24CK3	
9	2210040100	Hồ Quốc	Duy	16/11/2003		01	5,0	Năm	C24CK3	
10	2210040055	Lê Trần Khánh	Duy	15/05/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK2	5,8 (Năm tám)
11	2210040039	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/05/2004		01	3,75	ba, bảy lăm	C24CK2	3,8 (ba tám)
12	2210040041	Hoàng Ngọc	Dương	08/02/2004		01	4,75	bốn, bảy lăm	C24CK2	4,8 (bốn tám)
13	2210040048	Lộc Hòa	Dương	12/03/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK2	
14	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	Dương	28/11/2004		01	7,0	bảy	C24CK3	
15	2210040077	Bùi Sĩ	Đan	03/10/2004		01	3,75	ba, bảy lăm	C24CK3	3,8 (Ba tám)
16	2210040085	Lâm Thành	Đạt	23/12/2004		01	4,5	bốn rưỡi	C24CK3	
17	2210040081	Nguyễn Kim	Đông	25/06/2003		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK3	5,8 (Năm tám)
18	2210040050	Lý Hoa	Đức	20/10/2004		01	7,5	bảy rưỡi	C24CK2	
19	2210040072	Võ Trọng	Đức	04/03/2003		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK3	
20	2210040096	Lê Phước	Hải	26/03/2004		01	4,25	bốn hai lăm	C24CK3	4,3 (Bốn ba)
21	2210040045	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/03/2004		01	6,25	sáu hai lăm	C24CK2	6,3 (Sáu ba)
22	2210040067	Trần Duy	Khang	19/06/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK2	5,8 (Năm tám)
23	2210040062	Bùi Anh	Khoa	07/01/2004		01	7,5	bảy rưỡi	C24CK2	
24	2210040065	Huỳnh Tấn	Khoa	18/11/2004		01	7,5	bảy rưỡi	C24CK2	
25	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004		01	6,0	sáu	C24CK2	
26	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/20/2004		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK2	
27	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	Luân	04/09/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK2	
28	2210040042	Trần Ngọc	Mẫn	20/10/2004		01	5,75	Năm bảy lăm	C24CK2	5,8 (Năm tám)
29	2210040052	Nguyễn Hoàng	Minh	14/08/2004		01	6,0	sáu	C24CK2	
30	2210040044	Trần Hữu	Nghĩa	02/08/2004		01	7,5	bảy rưỡi	C24CK2	
31	2210040049	Sok Quang	Nhật	15/09/2003		01	8,5	tám rưỡi	C24CK2	
32	2210040058	Hồ Văn	Phát	01/03/2004		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK2	
33	2210040070	Đinh Hoài	Phong	05/09/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK2	
34	2210040063	Nguyễn Tài	Phước	10/06/2004		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK2	
35	2210040060	Hà Lê Thành	Tài	04/05/2004		01	7,25	bảy, hai lăm	C24CK2	7,3 (Bảy ba)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210040068	Lê Lâm	**Thuận**	03/04/2004		01	8,0	tám	C24CK2	
37	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004		01	6,5	sáu lăm	C24CK2	
38	2210040061	Nguyễn Kha	**Trung**	05/08/2004		01	3,75	ba, bảy lăm	C24CK2	3,8 (ba tám)
39	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004		01	5,25	Năm, hai lăm	C24CK2	5,3 (Năm ba)
40	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004		01	6,0	sáu	C24CK2	
41	2210040059	Dương Quang	**Vinh**	21/12/2004		01	4,25	bốn, hai lăm	C24CK2	4,3 (Bốn ba)
42	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004		01	4,75	bốn, bảy lăm	C24CK2	4,8 (Bốn tám)
43	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003		01	6,75	sáu bảy lăm	C24CK2	6,8 (Sáu tám)

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 43 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 43 / _____ .

Số sinh viên đạt: 43 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

TRƯ

KHẢ

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đạt

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Vật liệu cơ khí - MH1102127

Mã lớp học phần: MH110212701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đào Xuân Đạt

Ngày thi: 22/11/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: Ng Thị Thùy Dung Ký tên:

Giám thị 2: Ng Thị Hồng Dung Ký tên:

Giám thị 3: Cao Thế Thanh Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	An	23/08/2003		01	7,25	bảy, hai lăm	C24CK1	7,3 (bảy ba)
2	2210040004	Đặng Trần Gia	Bảo	24/07/2003		01	8,0	tám	C24CK1	
3	2210040031	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	09/04/2004		01	8,0	tám	C24CK1	
4	2210040025	Nguyễn Thanh	Dủng	25/05/2004		01	9,5	Chín rưỡi	C24CK1	
5	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	02/02/2004		01	4,25	bốn, hai lăm	C24CK1	4,3 (bốn ba)
6	2210040021	Trần Anh	Đức	02/09/2004		01	6,75	sáu, bảy lăm	C24CK1	6,8 (sáu tám)
7	2210040033	Nguyễn Trường	Giang	01/10/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK1	5,8 (Năm tám)
8	2210040079	Huỳnh Minh	Hân	05/10/2004		01	6,0	sáu	C24CK3	
9	2210040028	Phan Văn	Hậu	17/03/2004		01	4,25	bốn, hai lăm	C24CK1	4,3 (bốn ba)
10	2210040023	Nguyễn Thanh	Hiếu	13/12/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK1	5,8 (Năm tám)
11	2210040008	Phạm Quốc	Huy	15/09/2003		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK1	
12	2210040032	Trần Trí	Huy	07/04/2004		01	6,0	sáu	C24CK1	
13	2210040073	Lý Văn	Huỳnh	01/01/2004		01	4,5	bốn rưỡi	C24CK3	
14	2210040022	Phạm Vĩnh	Hưng	05/12/2003		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK1	
15	2210040017	Trần Thanh	Khang	30/03/2004		01	6,5	sáu rưỡi	C24CK1	
16	2210040029	Võ Trường	Khang	02/09/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK1	5,8 (Năm tám)
17	2210040078	Nguyễn Trọng	Khải	04/03/2004		01	6,0	sáu	C24CK3	
18	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		01	6,0	sáu	C24CK1	
19	2210040089	Nguyễn Thành	Khoa	11/01/2004		01	4,5	bốn rưỡi	C24CK3	
20	2210040092	Phạm Tuấn	Kiệt	04/20/2004		01	4,5	bốn rưỡi	C24CK3	
21	2210040006	Hà Gia	Kính	10/10/2003					C24CK1	
22	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		01	5,0	Năm	C24CK1	
23	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		01	4,75	bốn, bảy lăm	C24CK1	4,8 (bốn tám)
24	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		01	3,75	ba, bảy lăm	C24CK1	3,8 (ba tám)
25	2210040024	Lê Tấn	Lộc	16/09/2004		01	6,0	sáu	C24CK1	
26	2210040086	Phạm Văn Phước	Lộc	25/01/2004		01	6,0	sáu	C24CK3	
27	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK1	5,8 (Năm tám)
28	2210040012	Võ Hoàng	Nam	27/09/2004		01	6,0	sáu	C24CK1	
29	2210040097	Nguyễn Thanh	Phong	11/10/2004		01	7,5	bảy rưỡi	C24CK3	
30	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	Phúc	03/12/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK3	
31	2210040011	Nguyễn Trọng	Phúc	08/02/2004		01	7,0	Bảy	C24CK1	
32	2210040082	Trương Trọng	Phúc	07/01/2004		01	10,0	Mười	C24CK3	
33	2210040001	Võ Hoàng	Phúc	02/11/2003		01	6,25	sáu, hai lăm	C24CK1	6,3 (sáu ba)
34	2210040056	Nguyễn Hữu	Tài	26/11/2004		01	4,25	bốn, hai lăm	C24CK1	4,3 (bốn ba)
35	2210040076	Nguyễn Minh	Tài	24/04/2003		01	2,75	hai, bảy lăm	C24CK3	2,8 (Hai tám)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK1	
37	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004		01	4,75	Bốn, bảy lăm	C24CK1	4,8 (bốn tám) /dm
38	2210040013	Huỳnh Nguyễn Quốc	**Thanh**	29/02/2004		01	5,0	Năm	C24CK1	
39	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004		01	7,0	Bảy	C24CK1	
40	2210040009	Vưu Trọng	**Thái**	04/06/2003					C24CK1	
41	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004		01	8,0	tám	C24CK1	
42	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004		01	4,5	Bốn rưỡi	C24CK3	
43	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004		01	5,5	Năm rưỡi	C24CK3	
44	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004		01	5,0	Năm	C24CK3	
45	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004		01	5,75	Năm, bảy lăm	C24CK3	5,8 (Năm tám) /dm
46	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004		01	2,75	hai, bảy lăm	C24CK3	2,8 (Hai tám) /dm
47	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004		01	6,25	Sáu, hai lăm	C24CK3	6,3 (Sáu ba) /dm
48	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004		01	7,0	Bảy	C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 48-2 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi/Số tờ:** 46 / .

Số sinh viên đạt: 46 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG C... P KHẢO T...

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Xuân Đại